TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2025/HS-ST
Ngày 23-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tạc, ông Lê Đình Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn N - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại điểm cầu Phân trại tạm giam Khu vực X - Trại tạm giam số Y, tỉnh Đắk Lắk và Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2025/TLST-HS ngày 19/6/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2025/QĐXXST-HS ngày 30/6/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Y C Bkrông**; tên gọi khác: không; sinh ngày 15/02/1984 tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi thường trú: Buôn C, xã D, huyện K (nay là xã D), tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Ê Đê; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y S Niê và bà H B Bkrông (đều đã chết); bị cáo chung sống như vợ chồng với bà H D Hđruê và có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/4/2025 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Y C Bkrông: Ông Nguyễn Đình Đ - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số X đường L, phường B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị hại:

+ Chị Hà Mỹ N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn X, xã H (cũ là xã HX, thành phố B), tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Bà Đỗ Thị Tuyết L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Cụm X, thôn Y, xã H, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:** Ông Đỗ Mạnh H, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn X, xã H, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Y W Yă Hđơr, sinh năm 1982. Địa chỉ: Buôn M, xã H, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Ông Y D1 Byă, sinh năm 1965. Địa chỉ: Buôn M, xã H, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người phiên dịch tiếng Ê Đê và ngược lại: Ông Y K Ênuôl, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số X đường H, phường T, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Y C Bkrông là người không có nghề nghiệp ổn định và sống lang thang. Vào ngày 22/12/2024, Y C đi bộ một mình từ buôn M, xã H sang xã HX (nay là xã H), tỉnh Đắk Lắk. Khi Y C đi đến khu vực ruộng lúa thì nhìn thấy có 03 người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đang ngồi uống rượu ở bờ ruộng, nên Y C đã đi vào xin uống rượu cùng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, sau khi uống rượu xong, Y C tiếp tục đi bộ lang thang một mình trên đường Quốc lộ Z. Khi Y C đi ngang qua nhà chị Hà Mỹ N, tại thôn X, xã HX (nay là xã H), tỉnh Đắk Lắk, thì nhìn thấy trong sân nhà chị N đang dựng 01 *(một)* chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đỏ đen xanh bạc, biển số 47B1-461.XX, có cắm sẵn chìa khóa trên ổ khoá điện của xe. Lúc này, quan sát thấy không có người trông coi, nên Y C đã đi lại gần chiếc xe mô tô biển số 47B1-461.XX, bật chìa khoá, khởi động xe, rồi điều khiển xe về dựng ở trước nhà của ông Y D1 Byă, tại địa chỉ buôn M, xã H, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, do say rượu nên Y C nằm ngủ ở thềm nhà của ông Y D1. Sáng ngày 23/12/2024, Y C thức dậy rồi đi bộ đến khu vực bờ suối tại buôn M, xã H, tỉnh Đắk Lắk để uống rượu cùng 02 người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch). Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, do uống hết rượu, nên Y C đã quay lại nhà ông Y D1 rồi điều khiển xe mô tô biển số 47B1-461.XX đi mua thêm rượu về để uống. Khi Y C đang lưu thông trên đường Quốc lộ Z, thuộc địa phận xã H, tỉnh Đắk Lắk, thì bị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk yêu cầu dừng xe lại để kiểm tra. Do lo sợ bị phát hiện về hành vi trộm cắp tài sản nên Y C đã bỏ chiếc xe mô tô biển số 47B1-461.XX lại, cầm theo chìa khóa xe rồi bỏ đi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Y C tiếp tục đi bộ một mình tìm mua rượu để uống. Khi Y C đi ngang qua nhà của bà Đỗ Thị Tuyết L, tại thôn Y, xã H, tỉnh Đắk Lắk, thì nhìn thấy trong sân đang dựng 01 *(một)* chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu Honda, màu xanh, biển số 47FC-90XX, có cắm sẵn chìa khóa trên xe. Lúc này, Y C đi đến gần chiếc xe biển số 47FC-90XX, rồi bật chìa khoá, khởi động xe và điều khiển xe đi về lại buôn Mrê, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, Y C dựng chiếc xe biển số 47FC-90XX gần cạnh nhà ông Y D1 rồi ngồi uống rượu một mình và nằm ngủ qua đêm tại đây. Ngày 24/12/2024, Y C bị Công an xã HX, thành phố B (nay là xã H), tỉnh Đắk Lắk triệu tập lên làm việc và đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện.

Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 03/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đã kết luận: 01 *(một)* chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đỏ đen

xanh bạc, biển số 47B1–461.XX, số máy: JC52E52808XX, số khung: RLHJC5224CY7615XX, dung tích xi lanh 109cm^3, thời điểm định giá ngày 22/12/2024, trị giá 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng);* 01 *(một)* chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu Honda, màu xanh, biển số 47FC–90XX, số máy: C50E80479XX, số khung C5080471XX, dung tích xi lanh 49cm^3, thời điểm định giá ngày 23/12/2024, trị giá 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng).* Tổng giá trị tài sản là: 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng).*

Cáo trạng số 171/CT-VKS-BMT ngày 19/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) truy tố đối với bị cáo Y C Bkrông về tội: *"Trộm cắp tài sản"*, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Y C Bkrông đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Y C Bkrông phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Y C Bkrông từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị N: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đỏ đen xanh bạc, biển số 47B1–461.XX và 01 chìa khóa xe bằng kim loại, đầu bằng nhựa màu đen có chữ Honda; đã trả lại cho bà Linh: 01 chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu Honda, màu xanh, biển số 47FC–90XX và 01 chìa khoá xe bằng kim loại có chữ UnLock.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Chấp nhận việc sau khi nhận lại tài sản chị Hà Mỹ N và bà Đỗ Thị Tuyết L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí nào khác.

Người bào chữa cho bị cáo Y C Bkrông trình bày lời bào chữa: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm như Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk đã truy tố nhưng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyên nhân, động cơ, mục đích và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk đối đáp: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk giữ nguyên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Y C Bkrông.

Bị cáo Y C Bkrông đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa, ngoài ra không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên vào khoảng 14 giờ ngày 22/12/2024, tại thôn X, xã HX, thành phố B (nay là xã H), tỉnh Đắk Lắk, Y C Bkrông đã lén lút trộm cắp của chị Hà Mỹ N 01 *(một)* chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đỏ đen xanh bạc, biển số 47B1–461.XX, số máy: JC52E52808XX, số khung: RLHJC5224CY7615XX, dung tích xi lanh 109cm^3, trị giá 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*; Vào khoảng 18 giờ ngày 23/12/2024, tại thôn Y, xã H, tỉnh Đắk Lắk, Y C Bkrông đã tiếp tục lén lút trộm cắp của bà Đỗ Thị Tuyết L 01 *(một)* chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu Honda, màu xanh, biển số 47FC–90XX, số máy: C50E80479XX, số khung C5080471XX, dung tích xi lanh 49cm^3, trị giá 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)*. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng)*.

Hành vi của bị cáo Y C Bkrông đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng tài sản của người khác là

bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, lười biếng lao động, muốn có tiền bằng con đường bất chính, bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, tổng trị giá tài sản trộm cắp là 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng)*. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) truy tố bị cáo Y C Bkrông về tội *"Trộm cắp tài sản"*, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 01 *(một)* chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đỏ đen xanh bạc, biển số 47B1–461.XX, số máy: JC52E52808XX, số khung: RLHJC5224CY7615XX, dung tích xi lanh 109cm^3 và 01 *(một)* chìa khóa xe bằng kim loại, đầu bằng nhựa màu đen có chữ Honda, quá trình điều tra xác định các tài sản trên thuộc sở hữu hợp pháp của chị Hà Mỹ N. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk) đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô kèm chìa khoá xe trên cho chị Hà Mỹ N nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với: 01 *(một)* chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu Honda, màu xanh, biển số 47FC–90XX, số máy: C50E80479XX, số khung C5080471XX, dung tích xi lanh 49cm^3 và 01 *(một)* chìa khoá xe bằng kim loại có chữ UnLock, quá trình điều tra xác định chiếc xe gắn máy trên do ông Đỗ Minh H1 (là cha ruột của bà Đỗ Thị Tuyết L) mua và đứng tên trên giấy đăng ký xe. Năm 2022, ông H1 đã tặng cho

bà L chiếc xe gắn máy. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk) đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe gắn máy kèm chìa khoá xe trên cho bà Đỗ Thị Tuyết L nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Chấp nhận việc sau khi nhận lại tài sản là chị Hà Mỹ N và bà Đỗ Thị Tuyết L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí nào khác là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Y C Bkrông phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Y C Bkrông **01 *(một)* năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/4/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk) đã trả lại cho chị Hà Mỹ N là chủ sở hữu hợp pháp: 01 *(một)* chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đỏ đen xanh bạc, biển số 47B1–461.XX, số máy: JC52E52808XX, số khung: RLHJC5224CY7615XX, dung tích xi lanh 109cm^3 và 01 *(một)* chìa khóa xe bằng kim loại, đầu bằng nhựa màu đen có chữ Honda.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk) đã trả lại cho bà Đỗ Thị Tuyết L là chủ sở hữu hợp pháp: 01 *(một)* chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu Honda, màu xanh, biển số 47FC–90XX, số máy: C50E80479XX, số khung C5080471XX, dung tích xi lanh 49cm^3 và 01 *(một)* chìa khoá xe bằng kim loại có chữ UnLock.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Chấp nhận việc sau khi nhận lại tài sản chị Hà Mỹ N và bà Đỗ Thị Tuyết L không yêu cầu bị cáo Y C Bkrông phải bồi thường chi phí nào khác.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Y C Bkrông được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Phòng THADS Khu vực X – Đắk Lắk;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk (PV06);
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My